

## Bộ quần áo liền thân kèm cổ áo - Vô khuẩn

Bộ quần áo liền thân BioClean-D kèm cổ áo có khóa trước kèm nắp bảo vệ, mũ trùm đầu, lưng, cổ tay và mắt cá chân co giãn và vòng xoắn ngón tay cái để có khả năng cố định. Vật liệu CleanTough có lượng xơ vải thấp, trọng lượng nhẹ, chống tĩnh điện mang lại sự thoải mái và khả năng bảo vệ đối với nhiều loại hóa chất.

Vui lòng liên hệ với Phòng Chăm sóc khách hàng Ansell để tìm hiểu về thời gian thâm nhập của thuốc điều trị ung thư và các khuyến cáo.

### Key Features and Benefits

- Vật liệu CleanTough trọng lượng nhẹ, lượng xơ vải thấp, chống tĩnh điện
- Vòng xoắn ngón tay cái để cố định
- Khóa có nắp đóng kín
- Lưng, cổ tay và mắt cá chân co giãn

### Các ngành công nghiệp

- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất
- Sản xuất dược phẩm
- Sản xuất công nghệ sinh học
- Sản xuất thiết bị y tế





# Bộ quần áo liền thân kèm cổ áo BioClean-D BDCCT

## TECHNICAL DATA SHEET

### PRODUCT INFORMATION

|                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Vật liệu</b>               | CleanTough™                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Tiêu chuẩn kiểm nghiệm</b> | ISO 14001, Manufacturing QMS Audit Standards ISO 9001, PPE Regulation 2016 425 Module D, NEBB Certified Cleanrooms                                                                                                                                                                           |
| <b>Tiêu chuẩn</b>             | Tiêu chuẩn EN ISO 13688:2013, Tiêu chuẩn ISO 16602: 2007 + A1: 2012, Tiêu chuẩn EN ISO 14325, Tiêu chuẩn EN 9073-4, Tiêu chuẩn EN 863, EN 13935-2, Tiêu chuẩn EN 7854, EN 13934-1, EN 6530, EN 1149-5:2008, Hạng III, CE 0598                                                                |
| <b>Tổng quan về bao bì</b>    | Một bộ mỗi túi PE bọc trong đóng kín; một túi cho mỗi túi PE gói ngoài đóng kín; 20 túi gói ngoài trong thùng các tông có lót (20 bộ). Xin lưu ý: Các size XXXL, XXXXL, 5XL, 6XL & 7XL có 15 bộ cho mỗi thùng các tông và là đối tượng của Số lượng đặt hàng tối thiểu và thời gian sản xuất |
| <b>Nước xuất xứ</b>           | Trung Quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Thời hạn sử dụng</b>       | Three (3) years from date of manufacture.                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>XÂY DỰNG</b>               | Bound seams with single needle stitching                                                                                                                                                                                                                                                     |

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU

| KIỂM NGHIỆM                                                        | KẾT QUẢ                | LỚP HIỆU SUẤT |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|
| Chống mài mòn                                                      | 10 to 100 cycles       | 1             |
| Chống nứt do uốn cong                                              | 5,000 to 15,000 cycles | 3             |
| Cường độ chịu xé hình thang Hướng ngang máy (CD)                   | CD 29.3 N              | 2             |
| Cường độ chịu xé hình thang Hướng dọc máy (MD)                     | MD 55.5 N              | 3             |
| Độ bền kéo Hướng ngang máy (CD)                                    | CD 48 N                | 1             |
| Độ bền kéo Hướng dọc máy (MD)                                      | MD 97 N                | 2             |
| Chống đâm thủng                                                    | 8 N                    | 1             |
| Khả năng chống thấm chất lỏng - 30% H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> | 96.3%                  | 3             |
| Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH                           | 97.6%                  | 3             |
| Khả năng chống thấm chất lỏng - O-Xylene                           | 95.7%                  | 2             |
| Khả năng chống thấm chất lỏng- Butan-1-ol                          | 96.6%                  | 3             |
| Khả năng ngấm chất lỏng - 30% H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>       | 0%                     | 3             |
| Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH                           | 0%                     | 3             |
| Khả năng ngấm chất lỏng - O-Xylene                                 | 0%                     | 3             |
| Khả năng ngấm chất lỏng - Butan-1-ol                               | 0%                     | 3             |
| Rò rỉ vào bên trong của khí dung dạng hạt mịn <sup>1</sup>         | Pass                   | Không áp dụng |
| Khả năng chống thấm do phun (Thử nghiệm Phun) <sup>1</sup>         | Pass                   | Không áp dụng |
| Độ bền đường may <sup>2</sup>                                      | 70 N                   | 2             |
| Thời gian bán phân rã điện tích tĩnh, t <sub>50</sub> (giây)       | 0.07                   | ĐẠT           |

1. All interfaces with additional PPE were taped during testing, as required by the standards.

2. Seam not destroyed



# Bộ quần áo liền thân kèm cổ áo BioClean-D BDCCT

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM RƠI HẠT

| KIỂM NGHIỆM                       | KẾT QUẢ                           |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Rơi hạt (Thử nghiệm trống Helmke) | $\geq 0.5Q_m$ (số đếm/phút) <2000 |

## KẾT QUẢ PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM ASTM F739-12

| DƯỢC PHẨM                | Thời gian <b>đột phá</b> trung bình (MBT), phút<br>Breakthrough of the test chemical is deemed to have occurred when the permeation rate has reached 0.1 Qg/cm <sup>2</sup> /min |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CISPLATIN                | >240                                                                                                                                                                             |
| CARMUSTINE               | <6                                                                                                                                                                               |
| CYCLOPHOSHAMIDE          | 217 (275,162,215)                                                                                                                                                                |
| DOXORUBICINHYDROCHLORIDE | >240                                                                                                                                                                             |
| 5-FLUOROURACIL           | >240                                                                                                                                                                             |
| METHOTREXATE             | >240                                                                                                                                                                             |
| ETOPOSIDE                | >240                                                                                                                                                                             |
| PACLITAXEL               | <10                                                                                                                                                                              |
| THIOTEPA                 | 30 (28,30,33)                                                                                                                                                                    |

Kết quả đạt được trong điều kiện được kiểm soát của phòng thí nghiệm, do phòng thí nghiệm bên ngoài được công nhận thực hiện.

## BIỂU ĐỒ KÍCH THƯỚC

S-BDCCT-S; Cỡ: S, Ngực: 84-92cm (33"-36"), Chiều cao: 164-170cm (5'4"-5'6")  
 S-BDCCT-M; Cỡ: M, Ngực: 92-100cm (36"-39"), Chiều cao: 170-176cm (5'6"-5'9")  
 S-BDCCT-L; Cỡ: L, Ngực: 100-108cm (39"-42"), Chiều cao: 176-182cm (5'9"-6'0")  
 S-BDCCT-XL; Cỡ: XL, Ngực: 108-116cm (42"-45"), Chiều cao: 182-188cm (6'0"-6'2")  
 S-BDCCT-XXL; Cỡ: XXL, Ngực: 116-124cm (45"-48"), Chiều cao: 188-194cm (6'2"-6'4")  
 S-BDCCT-XXXL; Cỡ: XXXL, Ngực: 124-132cm (48"-51"), Chiều cao: 194-200cm (6'4"-6'6")  
 S-BDCCT-XXXXL; Cỡ: XXXXL, Ngực: 132-140cm (51"-54"), Chiều cao: 200-206cm (6'6"-6'8")  
 S-BDCCT-5XL; Cỡ: 5XL, Ngực: 140-148cm (54"-57"), Chiều cao: 206-212cm (6'8"-6'10")  
 S-BDCCT-6XL; Cỡ: 6XL, Ngực: 148-156cm (58"-61"), Chiều cao: 212-218cm (6'10"-6'12")  
 S-BDCCT-7XL; Cỡ: 7XL, Ngực: 156-164cm (61"-64"), Chiều cao: 218-224cm (7'1"-7'3")

## THÔNG TIN ĐẶT HÀNG

|         | KÍCH THƯỚC        | S, M, L, XL, 2XL                                         | 3XL, 4XL, 5XL, 6XL, 7XL                                         |
|---------|-------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| S-BDCCT | MÃ SỐ ĐẶT MUA LẠI | S-BDCCT-S, S-BDCCT-M, S-BDCCT-L, S-BDCCT-XL, S-BDCCT-2XL | S-BDCCT-3XL, S-BDCCT-4XL, S-BDCCT-5XL, S-BDCCT-6XL, S-BDCCT-7XL |

**Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web [www.ansell.com](http://www.ansell.com) của chúng tôi, hoặc gọi cho chúng tôi theo số**

### Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV  
 Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00  
 Fax: +32 (0) 2 528 74 01

### Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center  
 Điện thoại: +603 8310 6688  
 Fax: +603 8310 6699

### Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC  
 Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444  
 Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445  
 Số điện thoại tại CA: +1-800-363-8340

### Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.  
 Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

### Australia

Ansell Limited  
 Điện thoại: +61 1800 337 041  
 Fax: +61 1800 803 578

### Vương quốc Anh

Ansell Nitritex  
 Điện thoại: +44 1638 663338  
 Fax: +44 1638 668890

**Tiêu chuẩn Hiệu suất và Tuân thủ Quy định**



Ansell, ® và ™ là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: [www.ansell.com/patentmarking](http://www.ansell.com/patentmarking) © 2022 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tài liệu này cũng như bất kỳ tuyên bố nào khác được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell đều không được hiểu là sẽ bảo đảm khả năng bán được hoặc rằng bất kỳ sản phẩm nào của Ansell đều phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn ngành tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

Vui lòng xem gói xác thực sản phẩm hoặc liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng của Ansell để biết dữ liệu cụ thể về việc sử dụng sản phẩm may mặc dành cho thuốc gây độc tế bào. Sản phẩm may mặc được sử dụng để phòng chống lại các loại thuốc này phải được lựa chọn riêng cho loại hóa chất được sử dụng.

